

Bản án số: 36/2018/HSST
Ngày : 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Mạnh Tường
Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ M số 06/2018/HSST ngày 16/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 22/01/2018 đối với bị cáo:

MAI NGỌC A, giới tính: Nam; sinh: 1977; nơi sinh: tại L; thường trú: xã T, huyện C, tỉnh L; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Thợ kim hoàn; con ông Mai Trung H và bà Phạm Thị L; vợ: Lê Thị P; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 04/8/2017 (có mặt).

Bị hại: Chị Lê Thị M sinh: 1974

Thường trú: khu phố S, phường C, quận Đ, Thành phố H. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Đình T sinh: 1965

Thường trú: khu phố G, phường Y, quận N, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được toám tắt như sau:

Mai Ngọc A là thợ kim hoàn, từ tháng 3/2017, A làm công cho tiệm vàng N, địa chỉ: khu phố S, phường C, quận Đ, Thành phố H, do chị Lê Thị M làm chủ. Hàng ngày, khoảng 07 giờ chị M giao cho A 01 hộp bằng inox, bên trong có vàng cục, vàng bột 18k chưa thành phẩm (vàng dẽ) và mẫu các sản phẩm để A chế tác thành sản phẩm vàng trang sức. Khi giao vàng, chị M cân trọng lượng vàng để ghi vào sổ và cho A ký xác nhận. A nhận vàng, mẫu hàng, rồi chế tác thành các sản phẩm vàng trang sức theo yêu cầu của chị M. Cuối mỗi ngày, A sẽ bàn giao số vàng chưa thành phẩm còn lại trong hộp inox cho chị M để ghi vào sổ. Chị M ghi số lượng, trọng lượng vàng thành phẩm và vàng còn tồn vào sổ, đến cuối tháng mới kết sổ và trả lương cho A.

Sau khi nhận vàng của chị M, A nảy sinh ý định chiếm đoạt vàng của chị M để bán, cầm cố lấy tiền chơi cá độ bóng đá trên mạng. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/4/2017, A nhận 01 hộp inox bên trong chứa vàng 18k chưa thành phẩm từ chị M để gia công. Quá trình gia công, A nảy sinh ý định chiếm đoạt một số vàng 18k chưa thành phẩm của chị M để bán lấy tiền chơi cá độ bóng đá trên mạng. A lấy 3,39 lượng vàng 18k chưa thành phẩm, rồi lấy 02 đoạn sắt bỏ vào trong hộp inox, quét bụi vàng, bỏ vật dụng trên bàn vào hộp inox (nhằm mục đích cân đủ trọng lượng, để chị M không phát hiện), rồi bàn giao hộp inox cho chị M. Sau đó, đến 17 giờ cùng ngày, A đi xe bus mang theo số vàng 3,39 lượng vàng 18k chiếm đoạt được đến tiệm vàng Q, do ông Lê U làm chủ, tại địa chỉ khu phố G, phường Y, quận N, Thành phố H, bán được 68.000.000đ. Sau khi bán vàng, A dùng tiền trả nợ chơi cá độ bóng đá trên mạng hết số tiền trên và không đến làm việc tiếp. Sau khi phát hiện A chiếm đoạt vàng, chị M đã nhắn tin và gọi điện thoại cho A, yêu cầu A đến viết cam kết tiếp tục làm công để trừ nợ dần và A đồng ý, chị M không trình báo sự việc cho Công an. A tiếp tục làm việc và chị M đã khấu trừ 03 tháng tiền công được 14.000.000đ.

Lần thứ hai: Do vẫn còn chơi cá độ bóng đá, ngày 29/7/2017, sau khi nhận vàng 18k chưa thành phẩm của chị M, A lại lấy 7,03 chỉ vàng 18k, rồi quét bụi vàng, bỏ vật dụng trên bàn vào hộp inox để giao trả cho chị M. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, A đi xe bus mang theo số vàng 7,03 chỉ đến tiệm vàng Q, do ông Lê U làm chủ, tại địa chỉ khu phố G, phường Y, quận N, Thành phố H, bán 1,8 chỉ được 3.600.000đ, còn lại 5,23 chỉ A cầm cho anh Huỳnh Đình T là người làm dịch vụ cầm đồ tại tiệm vàng Q, được số tiền 10.000.000đ. Ngày 01/8/2017, chị M kiểm tra thì phát hiện A chiếm đoạt vàng của mình, ngày 03/8/2017, chị M đến Công an phường C, quận Thủ Đức trình báo sự việc.

Ngày 04/8/2017, Mai Ngọc A bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức bắt khẩn cấp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Kết định định giá tài sản số 370 ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: 4,093 lượng vàng 18k chưa thành phẩm, trị giá 91.815.000đ.

Vật chứng vụ án:

- 5,25 chỉ vàng 18k, thu giữ tại tiệm cầm đồ của tiệm vàng Q (đã trả cho bị hại);
- 01 Biên lai cầm đồ mang tên A.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 66.325.000đ.
- A Huỳnh Đình T yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 316/CT - VKS ngày 24/11/2017, Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Mai Ngọc A về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo A về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố, áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi liên quan theo quy định.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố, nhận trách nhiệm của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, thể hiện: Bị cáo là thợ kim hoàn và từ tháng 3/2017, bị cáo làm công cho tiệm vàng N, địa chỉ: khu phố S, phường C, quận Đ, Thành phố H. Trong thời gian làm công, lợi dụng sự tin tưởng của chị Lê Thị M là chủ tiệm vàng, sau khi nhận vàng chưa thành phẩm do chị M giao để gia công, ngày 28/4/2017, bị cáo đã chiếm đoạt 3,39 lượng vàng 18k của chị M mang đi bán lấy tiền chơi cá độ bóng đá trên mạng và không đến làm việc, tài sản chiếm đoạt trị giá 76.275.000đ. Sau khi bị phát hiện, bị cáo cam kết tiếp tục làm công cho chị M để trừ dần tiền công và được chị M đồng ý. Ngày 29/7/2017, sau khi được chị M giao vàng để gia công theo yêu cầu, bị cáo lại tiếp tục lợi dụng sự tin tưởng của chị M đã chiếm đoạt 7,03 chỉ vàng 18k, mang đi bán và cầm lấy tiền chơi cá độ bóng đá trên mạng, tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 15.540.000đ. Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định trừng trị tại Điều 140 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, trong đó có 01 lần chiếm đoạt giá trị tài sản là 76.275.000đ, đây là số tiền lớn và cũng là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự. Việc truy tố bị cáo về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Chủ Tiệm vàng Q không thừa nhận mua vàng của bị cáo, nên không có căn cứ xử lý đối với chủ tiệm vàng.

A Huỳnh Đình T khi cầm vàng của bị cáo không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Anh T.

Về xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Tờ biên lai cầm vàng mang tên bị cáo, là tài liệu vụ án, nên lưu trong hồ sơ vụ án.

- Bị hại đã nhận lại số vàng là 5,23 chỉ vàng 18k, đối với số vàng không thu hồi được trị giá 66.325.000đ, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có căn cứ chấp nhận.

- Anh Huỳnh Đình T cầm số vàng 5,23 chỉ vàng 18k của bị cáo với số tiền 10.000.000đ là ngay tình và đã bị thu hồi trả cho bị hại, việc Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Mai Ngọc A** phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 140; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo **Mai Ngọc A** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2017.

3- Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Mai Ngọc A phải bồi thường cho chị Lê Thị M số tiền 66.325.000đ và bồi thường cho Anh Huỳnh Đình T số tiền 10.000.000đ.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.811.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tất Trình